

Thép Nam Kim (NKG)

Tháng 03/2023 – Đà phục hồi t/t kéo dài

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) đã công bố một số tiêu đề đáng chú ý về doanh số tháng 3 của công ty. Dưới đây là một số vấn đề chính đáng lưu ý.

Đà phục hồi t/t kéo dài

- Tổng sản lượng thép bán ra trong tháng 3 đạt 83,590 tấn, tăng 23.4% t/t nhưng -17.8% n/n.
- Sản lượng thép tôn chiếm 83.1% tổng sản lượng tiêu thụ tháng 3 đạt 69,522 tấn, -18.4% n/n, +33.6% t/t.
- Sản lượng xuất khẩu thép tôn (50,119 tấn) tăng mạnh 48.2% t/t nhưng -18.6% n/n.
- Sản lượng thép tôn trong nước giảm 17.9% n/n nhưng +6.5% t/t (19,403 tấn), và sản lượng ống thép giảm 10.3% t/t và 14.6% n/n (14,068 tấn).

Doanh số bán hàng 3T23 giảm do nền 2022 cao

- Tổng sản lượng tiêu thụ 3T23 đạt 194,698 tấn, -24.3% n/n. Trong đó, sản lượng thép tôn giảm 27.6% n/n xuống 154,807 tấn và sản lượng ống thép giảm 8.1% n/n xuống 39,891 tấn.
- Tổng sản lượng xuất khẩu 3T23 (chiếm 55.0% tổng doanh thu; 104,456 tấn) giảm 32.7% n/n trong khi sản lượng tiêu thụ nội địa (90,242 tấn) giảm 11.7% n/n.

Đánh giá

- Chúng tôi đánh giá **NĂM GIỮ** cho cổ phiếu NKG do tình hình ngành đang diễn biến xấu như chúng tôi đã xem xét trong bài báo cáo chuyên sâu về thép dẹt. Lợi nhuận đang được xem xét.

	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ đồng)	11,560	28,173	22,358	12,880	16,396
Tăng trưởng (% n/n)	(5.1)	143.7	(20.6)	(42.4)	27.3
LN hoạt động (tỷ đồng)	509	2,749	528	426	683
LN ròng (tỷ đồng)	295	2,225	275	295	511
EPS (đồng)	1,547	10,059	1,044	1,120	1,937
Tăng trưởng (% n/n)	539.7	550.4	(89.6)	7.3	73.0
EBITDA (tỷ đồng)	886	3,128	913	871	1,168
PE (x)	10.0	1.5	14.8	13.8	8.0
EV/EBITDA (x)	5.9	1.9	7.3	6.4	5.7
PB (x)	0.9	0.6	0.7	0.7	0.7
ROE (%)	9.5	50.0	4.8	5.1	8.5
Suất sinh lợi cổ tức (%)	0.0	0.0	5.4	5.4	5.4

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ.

Khuyến nghị **Năm Giữ (Duy trì)**

Giá mục tiêu

Lợi nhuận

Thông kê

VNIndex (18/4, điểm)	1,055
Giá cp (18/4, đồng)	14,900
Vốn hóa (tỷ đồng)	167
SLCP lưu hành (triệu)	263
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	30,889/7,400
GTGDTB 6T (tỷ đồng)	6.16
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	64.5/12.2
Cổ đông lớn (%)	
Hồ Minh Quang	15.4

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	(5.1)	(12.4)	(51.2)
Tương đối với VNI (%p)	(6.2)	(12.7)	(27.6)

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Phòng Phân Tích

researchdept@kisvn.vn

Bảng 1. Tăng trưởng doanh số

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	03/22	03/23	T/T (%)	N/N (%)	3T22	3T23	n/n (%)
Ông Thép	16,470	14,068	(10.3)	(14.6)	43,426	39,891	(8.1)
Xuất khẩu	0	0	NA	NA	0	0	NA
Nội địa	16,470	14,068	(10.3)	(14.6)	43,426	39,891	(8.1)
Tôn mạ	85,200	69,522	33.6	(18.4)	213,911	154,807	(27.6)
Xuất khẩu	61,555	50,119	48.2	(18.6)	155,127	104,456	(32.7)
Nội địa	23,645	19,403	6.5	(17.9)	58,784	50,351	(14.3)
Tổng doanh số	101,670	83,590	23.4	(17.8)	257,337	194,698	(24.3)
Xuất khẩu	61,555	50,119	48.2	(18.6)	155,127	104,456	(32.7)
Nội địa	40,115	33,471	(1.3)	(16.6)	102,210	90,242	(11.7)

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Bảng 2. Tăng trưởng sản xuất

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	03/22	03/23	T/T (%)	N/N (%)	3T22	3T23	N/N (%)
Ông Thép							
Sản xuất	15,039	15,451	(1.1)	2.7	39,623	40,225	1.5
Tồn kho	0	0	NA	NA			
Tôn mạ							
Sản xuất	80,926	72,475	37.8	(10.4)	220,293	156,666	(28.9)
Tồn kho	0	0	NA	NA			
Tổng							
Sản xuất	95,965	87,926	28.9	(8.4)	259,916	196,891	32.0
Tồn kho	0						

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Tổng quan công ty

Thành lập vào năm 2002, Thép Nam Kim là một trong những công ty dẫn đầu trong mảng sản xuất & kinh doanh tôn mạ và ống thép phục vụ cho xây dựng.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020F	2021A	2022F	2023F	2024F
Tài sản ngắn hạn	4,492	12,216	10,996	6,930	7,576
Tiền và tương đương tiền	589	1,199	1,304	1,263	665
Phải thu	1,438	1,902	2,162	1,352	1,631
Hàng tồn kho	2,371	8,281	7,127	4,071	4,919
Tài sản dài hạn	3,271	3,182	2,993	4,075	4,621
Tài sản cố định	3,127	2,771	2,536	3,591	4,106
Đầu tư tài chính	82	184	184	184	184
Khác	154	1,061	675	545	691
Tổng tài sản	7,763	15,398	13,989	11,005	12,196
Người mua trả tiền trước	346	583	224	129	164
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0	0
Phải trả người bán	1,070	4,879	3,619	1,850	2,200
Phải trả khác	164	393	398	403	409
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	2,520	3,773	3,873	2,573	3,073
Nợ và TP dài hạn	482	47	97	197	207
Tổng nợ và phải trả	4,582	9,675	8,211	5,152	6,053
VCSH	3,181	5,723	5,779	5,854	6,144
Vốn điều lệ	1,820	2,184	2,622	2,622	2,622
Thặng dư	766	786	786	786	786
Quỹ khác	97	117	118	118	118
LN giữ lại	576	2,636	2,254	2,329	2,618
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng VCSH	3,181	5,723	5,779	5,854	6,144

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Dòng tiền hoạt động	16	(308)	295	2,853	90
LN ròng	295	2,225	275	295	511
Khấu hao và khấu trừ	376	379	385	445	485
Tăng vốn lưu động ròng	(655)	(2,912)	(365)	2,113	(906)
Dòng tiền đầu tư	346	(309)	(144)	(1,499)	(1,004)
Tài sản cố định	(54)	(145)	(150)	(1,500)	(1,000)
Tăng đầu tư tài chính	400	(164)	6	1	(4)
Dòng tiền tài chính	(218.2)	1,150.0	(68.4)	(1,418.4)	291.6
Tăng vốn chủ	(78)	334	0	0	0
Tăng nợ	(67)	862	150	(1,200)	510
Chi trả cổ tức	0	0	(218)	(218)	(218)
Dòng tiền khác	0	(1)	0	0	0
Tăng tiền mặt	143	533	83	(65)	(622)

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	11,560	28,173	22,358	12,880	16,396
Giá vốn hàng bán	10,691	23,904	20,323	11,256	14,598
Lợi nhuận gộp	869	4,270	2,035	1,624	1,798
Chi phí bán hàng & QLDN	360	1,521	1,507	1,198	1,115
LN hoạt động	509	2,749	528	426	683
Doanh thu tài chính	89	199	335	258	246
Thu nhập lãi	27	15	28	25	21
Chi phí tài chính	281	398	528	348	295
Chi phí lãi vay	222	244	318	208	230
LN khác	4	11	0	4	5
Lãi (lỗ) từ LD&LK	0	0	0	0	0
LN trước thuế	321	2,562	336	340	639
Thuế TNDN	26	337	61	45	128
LN sau thuế	295	2,225	275	295	511
LN ròng cho công ty mẹ	295	2,225	275	295	511
EBITDA	886	3,128	913	871	1,168

Chỉ số tài chính

Cuối T12 năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	1,547	10,059	1,044	1,120	1,937
BPS	17,478	26,205	22,040	22,328	23,434
DPS	0	0	833	833	833
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	(5.1)	143.7	(20.6)	(42.4)	27.3
LN hoạt động	709.7	439.8	(80.8)	(19.3)	60.3
LN ròng	524.3	653.6	(87.6)	7.3	73.0
EPS	539.7	550.4	(89.6)	7.3	73.0
EBITDA	75.4	253.0	(70.8)	(4.6)	34.1
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	4.4	9.8	2.4	3.3	4.2
Biên LN ròng	2.6	7.9	1.2	2.3	3.1
Biên EBITDA	7.7	11.1	4.1	6.8	7.1
ROA	3.7	19.2	1.9	2.4	4.4
ROE	9.5	50.0	4.8	5.1	8.5
Suất sinh lợi cổ tức	0.0	0.0	5.4	5.4	5.4
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0.0	0.0	79.8	74.4	43.0
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	2,414	2,621	2,666	1,507	2,614
Nợ ròng/VCSH (%)	80.0	50.0	50.0	30.0	40.0
Định giá (x)					
PE	9.6	1.5	14.3	13.3	7.7
PB	0.9	0.6	0.7	0.7	0.6
EV/EBITDA	5.8	1.9	7.2	6.2	5.6

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 19/04/2023.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 19/04/2023.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo với cổ phiếu Thép Nam Kim (NKG) và hiện là công ty tạo lập thị trường.

Người thực hiện: Phòng Phân Tích

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.